

**BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2366/CAT-PV01

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2025

V/v đề nghị đăng công thông tin điện tử dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên, mức hỗ trợ, bồi dưỡng và bảo đảm điều kiện hoạt động của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Kính gửi: Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai.

Thực hiện Văn bản số 343/HĐND-VP, ngày 10/10/2025 về thống nhất đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông báo số 356/TB-HĐND, ngày 13/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 7503/UBND-KTN ngày 15/10/2025, Công an tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên, mức hỗ trợ, bồi dưỡng và bảo đảm điều kiện hoạt động của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và dự thảo Tờ trình xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên, mức hỗ trợ, bồi dưỡng và bảo đảm điều kiện hoạt động của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (có dự thảo Nghị quyết và dự thảo Tờ trình kèm theo).

Để đảm bảo quy trình về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và đảm bảo thời gian dự kiến trình HĐND tỉnh vào ngày 11/11/2025 (theo Thông báo số 356/TB-HĐND, ngày 13/10/2025 của HĐND tỉnh), Công an tỉnh đề nghị Báo và phát thanh truyền hình Đồng Nai đăng công thông tin điện tử nội dung dự thảo Nghị quyết và dự thảo Tờ trình. Thời gian đề nghị đăng tải tối đa 03 ngày; kết quả lấy ý kiến việc đăng tải, đề nghị gửi về Công an tỉnh (qua phòng PV01) trước ngày 04/11/2025.

Công an tỉnh rất mong nhận được sự quan tâm phối hợp của các đồng chí./.

Nơi nhận:

- Như trên (đề nghị đăng tải);
- Đ/c Giám đốc (để báo cáo);
- VP. UBND tỉnh (theo dõi);
- Sở Tư pháp;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, PV01 (Đ7).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Thượng tá Nguyễn Chí Toàn

Số: /2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên, mức hỗ trợ, bồi dưỡng và bảo đảm điều kiện hoạt động của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Tổ, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên, mức hỗ trợ, bồi dưỡng và bảo đảm điều kiện hoạt động của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên, chế độ hỗ trợ và bảo đảm điều kiện hoạt động của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh

Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được bố trí ở thôn, ấp, khu phố thuộc xã, phường; mỗi thôn, ấp, khu phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và Tổ viên. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự căn cứ vào yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế xã hội, quy mô dân số (bao gồm cả thường trú và tạm trú), cụ thể:

a) Tại thôn, ấp, khu phố có số lượng dân cư dưới 3.000 người: Mỗi Tổ 03 thành viên.

b) Tại thôn, ấp, khu phố có số lượng dân cư từ 3.000 người đến dưới 5.000 người: Mỗi Tổ 05 thành viên.

c) Tại thôn, ấp, khu phố có số lượng dân cư từ 5.000 người đến dưới 7.000 người: Mỗi Tổ 07 thành viên.

d) Tại thôn, ấp, khu phố có số lượng dân cư trên 7.000 người: Mỗi Tổ 09 thành viên.

Đối với địa bàn biên giới, mỗi Tổ được bố trí tối đa thêm 02 thành viên so với định mức bố trí theo quy mô dân số.

Điều 4. Mức chi, mức hỗ trợ, bồi dưỡng hằng tháng

1. Mức hỗ trợ theo chức danh:

a) Tổ trưởng: 3.600.000đồng/người/tháng;

b) Tổ phó: 2.700.000 đồng/người/tháng;

c) Tổ viên: 1.800.000 đồng/người/tháng.

2. Mức hỗ trợ theo trình độ đào tạo:

a) Đại học: 1.200.000 đồng/người/tháng;

b) Cao đẳng: 750.000 đồng/người/tháng;

c) Trung cấp: 500.000 đồng/người/tháng.

3. Hỗ trợ tiền thâm niên

Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng (05 năm) trở lên được hưởng mức hỗ trợ thâm niên 70.000đồng/tháng. Từ năm công tác thứ sáu trở đi, mỗi năm được cộng thêm 7.000 đồng/tháng vào mức hỗ trợ thâm niên.

Đối với các trường hợp được kiện toàn, sắp xếp từ lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng, thời gian công tác để tính thâm niên được tính liên tục kể từ thời điểm có quyết định công nhận, bố trí tham gia thực hiện nhiệm vụ trong lực lượng nêu trên.

4. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự hoặc tuần tra ban đêm

Khi được phân công hoặc huy động thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự hoặc tuần tra ban đêm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (tính từ 22 giờ đêm hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau), thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ 150.000 đồng/người/đêm, tối đa không quá 15 đêm/người/tháng (kể cả các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và Lễ, Tết).

Việc chi trả được thực hiện căn cứ danh sách, kế hoạch và xác nhận thực tế do Trưởng Công an cấp xã tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Điều 5. Hỗ trợ Bảo hiểm xã hội tự nguyện và Bảo hiểm y tế

1. Bảo hiểm xã hội tự nguyện:

Thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có trách nhiệm tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện để được hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

Số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ 210.000 đồng/người/tháng;

Việc tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện là điều kiện bắt buộc để được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách hỗ trợ, bồi dưỡng, thâm niên và thôi việc quy định tại Nghị quyết này.

Trường hợp Chính phủ điều chỉnh mức đóng hoặc tỷ lệ hỗ trợ, mức hỗ trợ nêu trên được điều chỉnh tương ứng theo quy định mới.

2. Bảo hiểm y tế:

Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế, tương đương 4,5% mức lương cơ sở theo Luật Bảo hiểm y tế.

Việc quản lý, thu, nộp và chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thực hiện theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bộ Tài chính.

Điều 6. Hỗ trợ cho người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở mà chưa tham gia Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, bị chết khi thực hiện nhiệm vụ

1. Trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

a) Hỗ trợ chi phí điều trị:

- Hỗ trợ các khoản chi phí khám, chữa bệnh không được thanh toán từ bảo hiểm y tế (nếu có), kể cả thuốc mua ngoài theo chỉ định của bác sĩ.

- Trong thời gian điều trị nội trú, được hỗ trợ tiền ăn hằng ngày 50.000 đồng/người/ngày đến khi xuất viện.

b) Trợ cấp tai nạn, bị thương:

Khi có văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, thành viên bị tai nạn, bị thương trong khi thực hiện nhiệm vụ được giám định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng Giám định y khoa theo quy định.

Căn cứ kết luận giám định, được hưởng mức trợ cấp một lần tương ứng như sau:

- Suy giảm từ 5% đến dưới 21%: 14.400.000 đồng/trường hợp.



- Từ 21% đến 40%: 18.000.000 đồng/trường hợp.
- Từ 41% đến 60%: 21.600.000 đồng/trường hợp.
- Từ 61% đến 80%: 25.200.000 đồng/trường hợp.
- Từ 81% trở lên: 28.800.000 đồng/trường hợp.

Toàn bộ chi phí giám định y khoa và kinh phí hỗ trợ được chi trả từ ngân sách địa phương theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Hỗ trợ mai táng phí và trợ cấp tử tuất

a) Thành viên Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở hy sinh hoặc tử vong trong khi thực hiện nhiệm vụ, bao gồm cả trường hợp tử vong trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn, bị thương, được hỗ trợ tiền mai táng 18.000.000 đồng/trường hợp.

b) Gia đình (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con; hoặc người thừa kế hợp pháp theo quy định của pháp luật dân sự) được hỗ trợ thêm một lần 21.600.000 đồng/trường hợp.

Kinh phí chi trả do ngân sách địa phương bảo đảm, thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 7. Chế độ thôi việc

1. Thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi thôi việc được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành.

2. Đối với các trường hợp là thành viên lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở đã được kiện toàn từ lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Đội trưởng, Đội phó Dân phòng, chưa được giải quyết chế độ thôi việc của các Nghị quyết trước đây. Khi thôi việc, ngoài chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 1, điều này, còn được hỗ trợ 1 lần từ ngân sách địa phương, mức 0,5 tháng phụ cấp chức danh/người/năm công tác thực tế từ ngày 30/6/2024 trở về trước.

Quy định này không áp dụng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 8. Trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Danh mục, tiêu chuẩn trang bị lần đầu

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01
3	Mũ bảo hiểm	Cái	01
4	Quần áo xuân hè gắn phù hiệu	Bộ	02

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
5	Áo xuân hè dài tay gắn phù hiệu	Cái	02
6	Dây lưng	Cái	01
7	Giày da	Đôi	01
8	Dép nhựa	Đôi	01
9	Bít tất	Đôi	02
10	Quần áo mưa	Bộ	01
11	Biển hiệu	Cái	01
12	Giấy chứng nhận	Cái	01
13	Chăn	Cái	01
14	Mùng	Cái	01
15	Gối	Cái	01
16	Chiếu trải	Cái	01

2. Danh mục, tiêu chuẩn, niên hạn trang bị những năm tiếp theo

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn (năm)
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01	03
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01	03
3	Mũ bảo hiểm	Cái	01	05
4	Quần áo xuân hè gắn phù hiệu	Bộ	01	01
5	Áo xuân hè dài tay gắn phù hiệu	Cái	01	02
6	Dây lưng	Cái	01	03
7	Giày da	Đôi	01	02



STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn (năm)
8	Dép nhựa	Đôi	01	01
9	Bít tất	Đôi	02	01
10	Quần áo mưa	Bộ	01	03
11	Biển hiệu	Cái	01	05
12	Giấy chứng nhận	Cái	01	05
13	Chăn	Cái	01	05
14	Mùng	Cái	01	05
15	Gối	Cái	01	05
16	Chiếu trải	Cái	01	02

Điều 9. Nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên hằng năm 1.000.000 đồng/tổ/năm từ ngân sách địa phương.

2. Kinh phí này được sử dụng cho các nội dung như mua sắm văn phòng phẩm, hỗ trợ tổ chức sinh hoạt, hội họp, tuyên truyền, sơ kết, tổng kết hoạt động của Tổ và các khoản chi cần thiết khác phục vụ trực tiếp công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở.

3. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết này được bảo đảm từ ngân sách địa phương, bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã, theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Khuyến khích huy động các nguồn tài trợ, đóng góp hợp pháp khác để hỗ trợ hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; định kỳ tổ chức đánh giá, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm phối hợp, giám sát, vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện Nghị quyết; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và mức hỗ trợ, bồi dưỡng cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; trang phục, phương tiện, thiết bị đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X, Kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng... năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Vụ Pháp chế các Bộ: Công an, Tài chính, Nội vụ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các Đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo điện tử tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Hạnh



Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 10 năm 2025

(DỰ THẢO)

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên, mức hỗ trợ, bồi dưỡng và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên, mức hỗ trợ, bồi dưỡng và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27/11/2024; Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29/6/2024;

Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22/4/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH15 ngày 22/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước đây, căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Ngày 18/6/2024, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) ban hành Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND quy định về tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; trang phục, phương tiện, thiết bị đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là Nghị quyết số 03 của HĐND tỉnh Đồng Nai). Ngày 27/6/2024, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước cũ ban hành Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và mức hỗ trợ, bồi dưỡng cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước (gọi tắt là Nghị quyết số 02 của HĐND tỉnh Bình Phước).

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH15 ngày 22/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025¹.

Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (mới) ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và mức hỗ trợ, bồi dưỡng cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; trang phục, phương tiện, thiết bị đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

2.1. Thực trạng biên chế, bố trí lực lượng, chế độ chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước

2.1.1. Thực trạng biên chế, bố trí lực lượng

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước có 843 tổ dân phố (trong đó có 667 thôn, ấp ở các xã; 176 khu phố ở các phường). Căn cứ vào Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 28/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì tổng số tổ bảo vệ ANTT ở cơ sở trên địa bàn tỉnh là 843 tổ, với tổng số thành viên tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là 3.828 thành viên. Đến nay đã thành lập được 843/843 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự với 3759 thành viên. Trong đó:

¹ Trước sáp nhập tỉnh Đồng Nai (cũ) có 170 xã, phường, thị trấn, với 929 ấp, khu phố (01 ấp có tên nhưng không bố trí dân cư); tỉnh Bình Phước có 111 xã, phường, thị trấn, với 843 thôn, ấp, sóc, khu phố. Hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau sáp nhập) có 95 xã, phường với 1.772 ấp, khu phố.

+ Tổ trưởng 843/843 thành viên, Tổ phó 843/843 thành viên và Tổ viên 2073/2142 thành viên (thiếu 69 thành viên).

+ Nam 3643, nữ 116.

+ Trình độ: Tiểu học: 230; Trung học CS và THPT: 3190; Trung cấp và Cao đẳng: 223; Đại học: 116.

2.1.2. Thực trạng chế độ chính sách

Chế độ chính sách của lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở tại tỉnh Bình Phước được quy định tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và mức hỗ trợ, bồi dưỡng cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể:

a) Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

- Tổ trưởng: Hỗ trợ bằng 1.0 mức lương tối thiểu vùng/người/tháng;
- Tổ phó: Hỗ trợ bằng 0,8 mức lương tối thiểu vùng/người/tháng;
- Tổ viên: Hỗ trợ bằng 0,6 mức lương tối thiểu vùng/người/tháng.

b) Mức hỗ trợ bồi dưỡng

- Bồi dưỡng 100.000 đồng/người/đêm khi có quyết định triệu tập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và tuần tra ban đêm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau (trừ các ngày lễ, tết).

- Bồi dưỡng 150.000 đồng/người/đêm, làm nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật về lao động.

- Mức hỗ trợ kinh phí chi cho hoạt động thường xuyên hằng năm của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: 1.000.000 đồng/tổ/năm.

c) Mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm y tế đối với người tham gia lực lượng đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở

- Bảo hiểm xã hội tự nguyện: Được Ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 50% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Mức hỗ trợ này ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 10 và điểm a, khoản 1, Điều 14, Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Bảo hiểm y tế: Được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế theo đối tượng tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình.

d) Mức hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh, trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội khi thực hiện nhiệm vụ.

- Mức hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

- Mức hỗ trợ tiền ăn hàng ngày, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện được hưởng 3% mức lương tối thiểu chung /người bệnh/ngày được quy định tại Khoản 1, Điều 4, Quyết định số 14/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám chữa bệnh cho người nghèo.

e) Mức trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí đối với thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ.

- Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp mai táng bằng 18.000.000 đồng.

- Đối với thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp tiền tuất một lần được tính theo số năm tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, cứ mỗi năm tính bằng 1,5 lần mức hỗ trợ hàng tháng được hưởng.

** Tổng mức hỗ trợ thường xuyên trong 01 tháng (theo mức định biên): 19,297,860,000đ; tối đa trong 01 năm là 232,417,320,000đ (không tính mức hỗ trợ trang phục, trang cấp) - Phụ lục 1.*

2.2. Thực trạng biên chế, bố trí lực lượng, chế độ chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (cũ)

2.2.1. Thực trạng biên chế, bố trí lực lượng

Tỉnh Đồng Nai (cũ) có 929 ấp, khu phố (01 ấp không có dân cư sinh sống). Số lượng Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở và tổng số thành viên lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tại tỉnh Đồng Nai được quy định tại Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, theo đó, toàn tỉnh có tối đa 928 tổ với 4264 thành viên. Tính đến nay, toàn tỉnh đã thành lập 928/928 Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở tại 928 ấp, khu phố với tổng số 3.650 thành viên. Trong đó, 3.550 nam, 100 nữ; 3.511 đồng chí dưới 70 tuổi, 139 đồng chí trên 70 tuổi; 250 đồng chí trình độ tiểu học, 2.984 đồng chí trình độ từ Trung học cơ sở trở lên, 296 đồng chí trình độ trung cấp, cao đẳng, 120 đồng chí trình độ

đại học. Có 298 tổ được bố trí làm việc tại nơi sinh hoạt cộng đồng, 437 tổ làm việc tại Công an xã, phường, thị trấn và 193 tổ bố trí làm việc tại các địa điểm khác.

2.2.2. Chế độ chính sách

Chế độ chính sách của lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở tại tỉnh Đồng Nai được quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; trang phục, phương tiện, thiết bị đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

a) Mức hỗ trợ hàng tháng

- Tổ trưởng: 3.600.000 đồng/người/tháng.
- Tổ phó: 2.700.000 đồng/người/tháng.
- Tổ viên: 1.800.000 đồng/người/tháng.

b) Mức hỗ trợ theo trình độ đào tạo (chỉ áp dụng đối với Tổ trưởng và Tổ phó)

- Đại học: 1.200.000 đồng/người/tháng.
- Cao đẳng: 750.000 đồng/người/tháng.
- Trung cấp: 500.000 đồng/người/tháng.

c) Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự hoặc tuần tra đêm

Khi có quyết định triệu tập của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự hoặc tuần tra ban đêm theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt (tính từ 22 giờ đêm hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau) thì được hỗ trợ 100.000 đồng/người/đêm, nhưng không quá 15 đêm/người/tháng.

d) Hỗ trợ tiền thâm niên

Trường hợp có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hỗ trợ 70.000 đồng/tháng, mỗi năm tiếp theo tăng thêm 7.000 đồng/tháng.

e) Hỗ trợ khi thực hiện nhiệm vụ các ngày thứ bảy, chủ nhật, Lễ, Tết

Khi thực hiện nhiệm vụ trong các ngày thứ bảy, chủ nhật, Lễ, Tết (không được bố trí nghỉ bù) được hỗ trợ như sau: (Mức hỗ trợ hàng tháng/30 ngày x 200%)/8 giờ x (số giờ làm việc ngoài giờ không nghỉ bù). Tổng số giờ làm việc ngoài giờ không quá 200 giờ / người/ năm.

f) Khi được điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ ngoài địa bàn phụ trách thì được hỗ trợ tiền ăn với mức 50.000 đồng/người/ngày.

g) Hỗ trợ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế

- Thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện với mức đóng 330.000 đồng. Trong đó ngân sách nhà

nước hỗ trợ 210.000 đồng, thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đóng 120.000 đồng.

- Thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tham gia Bảo hiểm y tế với mức đóng 81.000 đồng, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 54.000 đồng, thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đóng 27.000 đồng.

h) Hỗ trợ cho người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở mà chưa tham gia Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương bị chết khi thực hiện nhiệm vụ

- Trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ.

+ *Hỗ trợ chi phí điều trị*: Hỗ trợ các khoản chi phí không được thanh toán từ bảo hiểm y tế, kể cả thuốc mua ngoài theo toa chỉ định của bác sĩ. Trong thời gian điều trị nội trú được hỗ trợ tiền ăn hàng ngày với mức 50.000 đồng/ngày đến khi xuất viện.

+ *Trợ cấp tai nạn, bị thương*:

Ủy ban nhân dân xã, phường giới thiệu đi giám định khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa theo quy định của pháp luật, căn cứ mức độ suy giảm khả năng lao động, được hưởng mức hỗ trợ tương ứng như sau:

Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến dưới 21% được hưởng trợ cấp một lần bằng 14.400.000 đồng/01 trường hợp.

Bị giảm khả năng lao động từ 21% đến 40% được hưởng trợ cấp một lần bằng 18.000.000 đồng/01 trường hợp.

Bị giảm khả năng lao động từ 41% đến 60% được hưởng trợ cấp một lần bằng 21.600.000 đồng/01 trường hợp.

Bị giảm khả năng lao động từ 61% đến 80% được hưởng trợ cấp một lần bằng 25.200.000 đồng/01 trường hợp.

Bị giảm khả năng lao động từ 81% trở lên được hưởng trợ cấp một lần bằng 28.800.000 đồng/01 trường hợp.

Toàn bộ chi phí giám định y khoa được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

+ Hỗ trợ mai táng phí, tử tuất trong trường hợp bị chết khi thực hiện nhiệm vụ: Trường hợp bị chết, kể cả trong thời gian điều trị lần đầu, thì người chịu trách nhiệm mai táng được nhận tiền mai táng bằng 18.000.000 đồng/01 trường hợp. Hỗ trợ một lần cho gia đình (cha, mẹ; vợ, chồng; con hoặc người thừa kế theo quy định của pháp luật) với số tiền bằng 21.600.000 đồng/01 trường hợp.

* *Tổng mức hỗ trợ (theo mức định biên) tại tỉnh Đồng Nai (cũ) tối đa trong 01 năm: 215,578,809,600đ (không tính mức hỗ trợ trang phục, trang cấp) - Phụ lục 2.*

Tổng mức hỗ trợ chung của tỉnh Bình Phước và Đồng Nai (cũ) trong 01 năm (theo mức định biên, không tính trang phục): Phụ lục 1 + Phụ lục 2 = 447.996.129.600đ.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Củng cố, kiện toàn toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đầy đủ trong xây dựng, hoạt động, quản lý, sử dụng và bảo đảm chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng, điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, góp phần phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết tuân thủ quy định của pháp luật về thể thức, trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản.

- Quá trình xây dựng kế thừa, bổ sung, điều chỉnh các nội dung quy định theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước liên quan đến lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; vận dụng linh hoạt các chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng có liên quan; bảo đảm chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng, điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh và từng địa bàn cơ sở.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 02/10/2025 gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Ngày 10/10/2025, HĐND tỉnh có Công văn số 343/HĐND-VP về việc thống nhất đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Thông báo số 356/TB-HĐND, ngày 13/10/2025 của HĐND tỉnh về kết luận hội nghị thống nhất nội dung, chương trình kỳ họp thứ 6 (chuyên đề) và kỳ họp thường lệ cuối năm 2025, HĐND tỉnh khóa X.

3. Ngày 15 tháng 10 năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 7503/UBND-KTN về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy

định tiêu chí thành lập Tổ, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Dự thảo Nghị quyết đã được Công an tỉnh gửi lấy ý kiến và tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; được Sở Tư pháp thẩm định; đồng thời, đã được giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

5. Dự thảo Nghị quyết đã được gửi lấy ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, với kết quả nhận được / ý kiến thống nhất, 0/ ... có ý kiến khác, đủ điều kiện thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

6. Dự thảo Nghị quyết đã được báo cáo thông qua Hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh ngày.....; đã hoàn chỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy tại Tờ trình số-TTr/ĐU ngày/2025, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Tờ trình sốTTr/ĐU ngày/2025 và đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày/2025 để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định. Dự thảo đủ điều kiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Quy định tiêu chí thành lập Tổ, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết được bố cục làm 12 Điều.

3. Nội dung cơ bản

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định tiêu chí thành lập Tổ, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được bố trí ở thôn, ấp, khu phố thuộc xã, phường; mỗi thôn, ấp, khu phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và Tổ viên. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự căn cứ vào yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, quy mô dân số (bao gồm cả thường trú và tạm trú), cụ thể:

a) Tại thôn, ấp, khu phố có số lượng dân cư dưới 3.000 người: Mỗi Tổ 03 thành viên.

b) Tại thôn, ấp, khu phố có số lượng dân cư từ 3.000 người đến dưới 5.000 người: Mỗi Tổ 05 thành viên.

c) Tại thôn, ấp, khu phố có số lượng dân cư từ 5.000 người đến dưới 7.000 người: Mỗi Tổ 07 thành viên.

d) Tại thôn, ấp, khu phố có số lượng dân cư trên 7.000 người: Mỗi Tổ 09 thành viên.

Đối với địa bàn biên giới, mỗi Tổ được bố trí tối đa thêm 02 thành viên so với định mức bố trí theo quy mô dân số.

** Cơ sở đề xuất: Kế thừa Nghị quyết số 03 của HĐND tỉnh Đồng Nai. Hiện nay, tỉnh Đồng Nai có 1772 ấp, khu phố (01 ấp không có dân cư). Căn cứ quy mô dân số theo dự thảo Nghị quyết, mức định biên lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết mới là: 1.771 tổ với 7.327 thành viên, trong đó: Tổ trưởng 1.171 thành viên, Tổ phó 1.771 thành viên, Tổ viên: 3.785. So với 02 Nghị quyết cũ, mức định biên của dự thảo Nghị quyết mới ít hơn 765 thành viên.*

Điều 4. Mức hỗ trợ thường xuyên đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Mức hỗ trợ theo chức danh:

a) Tổ trưởng: 3.600.000 đồng/người/tháng;

b) Tổ phó: 2.700.000 đồng/người/tháng;

c) Tổ viên: 1.800.000 đồng/người/tháng.

** Cơ sở đề xuất: Mức hỗ trợ trên tính dựa trên mức hỗ trợ đã được quy định tại Nghị quyết số 03 của HĐND Đồng Nai (cũ).*

2. Mức hỗ trợ theo trình độ đào tạo:

a) Đại học: 1.200.000 đồng/người/tháng;

b) Cao đẳng: 750.000 đồng/người/tháng;

c) Trung cấp: 500.000 đồng/người/tháng.

** Cơ sở đề xuất: Mức hỗ trợ theo trình độ đào tạo được kế thừa từ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai. Tại dự thảo Nghị quyết*

mới được áp dụng bổ sung đối Tổ viên. Việc vận dụng quy định trên nhằm động viên những người có trình độ học vấn tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở; đóng góp kiến thức, trí tuệ cho sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở.

3. Hỗ trợ tiền thâm niên

Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng (05 năm) trở lên được hưởng mức hỗ trợ thâm niên 70.000đồng/tháng. Từ năm công tác thứ sáu trở đi, mỗi năm được cộng thêm 7.000 đồng/tháng vào mức hỗ trợ thâm niên.

Đối với các trường hợp được kiện toàn, sắp xếp từ lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng, thời gian công tác để tính thâm niên được tính liên tục kể từ thời điểm có quyết định công nhận, bố trí tham gia thực hiện nhiệm vụ trong lực lượng nêu trên.

*** Cơ sở đề xuất:** Mức hỗ trợ tiền thâm niên được kế thừa từ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ) nhằm ghi nhận quá trình công tác, cống hiến lâu năm của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, tránh việc so sánh giữa mức hỗ trợ của người mới tuyển dụng cũng như người công tác lâu năm.

4. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự hoặc tuần tra ban đêm

Khi được phân công hoặc huy động thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự hoặc tuần tra ban đêm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (tính từ 22 giờ đêm hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau), thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ 150.000 đồng/người/đêm, tối đa không quá 15 đêm/người/tháng (kể cả các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và Lễ, Tết).

Việc chi trả được thực hiện căn cứ danh sách, kế hoạch và xác nhận thực tế do Trưởng Công an cấp xã tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

*** Cơ sở đề xuất các mục hỗ trợ:** Các mức hỗ trợ trên được kế thừa từ 02 Nghị quyết số 03 của HĐND Đồng Nai (cũ) và Nghị quyết số 02 của HĐND tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Hỗ trợ Bảo hiểm xã hội tự nguyện và Bảo hiểm y tế

1. Bảo hiểm xã hội tự nguyện:

Thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có trách nhiệm tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện để được hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

Số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ 210.000 đồng/người/tháng;

Việc tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện là điều kiện bắt buộc để được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách hỗ trợ, bồi dưỡng, thâm niên và thôi việc quy định tại Nghị quyết này.

Trường hợp Chính phủ điều chỉnh mức đóng hoặc tỷ lệ hỗ trợ, mức hỗ trợ nêu trên được điều chỉnh tương ứng theo quy định mới.

2. Bảo hiểm y tế:

Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế, tương đương 4,5% mức lương cơ sở theo Luật Bảo hiểm y tế.

Việc quản lý, thu, nộp và chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thực hiện theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bộ Tài chính.

** Cơ sở đề xuất: Kế thừa từ 02 Nghị quyết số 03 của HĐND Đồng Nai cũ và Nghị quyết số 02 của HĐND tỉnh Bình Phước. Để bảo đảm chế độ chính sách, an sinh xã hội cho Thành viên Tổ bảo vệ ANTT khi tham gia công tác bảo đảm ANTT ở cơ sở và thực hiện chế độ bảo hiểm quy định của Luật bảo hiểm xã hội đối với người lao động cũng như khuyến khích thành viên Tổ bảo vệ ANTT nhiệt tình tham gia giữ gìn ANTT tại địa bàn ấp, khu phố.*

Điều 6. Hỗ trợ cho người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở mà chưa tham gia Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, bị chết khi thực hiện nhiệm vụ

1. Trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

a) Hỗ trợ chi phí điều trị:

- Hỗ trợ các khoản chi phí khám, chữa bệnh không được thanh toán từ bảo hiểm y tế (nếu có), kể cả thuốc mua ngoài theo chỉ định của bác sĩ.

- Trong thời gian điều trị nội trú, được hỗ trợ tiền ăn hằng ngày 50.000 đồng/người/ngày đến khi xuất viện.

b) Trợ cấp tai nạn, bị thương:

Khi có văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, thành viên bị tai nạn, bị thương trong khi thực hiện nhiệm vụ được giám định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng Giám định y khoa theo quy định.

Căn cứ kết luận giám định, được hưởng mức trợ cấp một lần tương ứng như sau:

- Suy giảm từ 5% đến dưới 21%: 14.400.000 đồng/trường hợp.
- Từ 21% đến 40%: 18.000.000 đồng/trường hợp.
- Từ 41% đến 60%: 21.600.000 đồng/trường hợp.
- Từ 61% đến 80%: 25.200.000 đồng/trường hợp.
- Từ 81% trở lên: 28.800.000 đồng/trường hợp.

Toàn bộ chi phí giám định y khoa và kinh phí hỗ trợ được chi trả từ ngân sách địa phương theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Hỗ trợ mai táng phí và trợ cấp tử tuất

a) Thành viên Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở hy sinh hoặc tử vong trong khi thực hiện nhiệm vụ, bao gồm cả trường hợp tử vong trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn, bị thương, được hỗ trợ tiền mai táng 18.000.000 đồng/trường hợp.

b) Gia đình (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con; hoặc người thừa kế hợp pháp theo quy định của pháp luật dân sự) được hỗ trợ thêm một lần 21.600.000 đồng/trường hợp.

Kinh phí chi trả do ngân sách địa phương bảo đảm, thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

*** Cơ sở đề xuất:** Các mức hỗ trợ nêu trên được kế thừa từ Nghị quyết số 03 của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ) và Nghị quyết số 02 của HĐND tỉnh Bình Phước.

Điều 7. Chế độ thôi việc

1. Thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi thôi việc được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành.

2. Đối với các trường hợp là thành viên lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở đã được kiện toàn từ lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Đội trưởng, Đội phó Dân phòng, chưa được giải quyết chế độ thôi việc của các Nghị quyết trước đây. Khi thôi việc, ngoài chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 1, điều này, còn được hỗ trợ 1 lần từ ngân sách địa phương, mức 0,5 tháng phụ cấp chức danh/người/năm công tác thực tế từ ngày 30/6/2024 trở về trước.

Quy định này không áp dụng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*** Cơ sở đề xuất:** Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về kiện toàn, sắp xếp tổ chức lực lượng Công an xã theo hướng chính quy, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thời gian qua, lực lượng Công an xã bán chuyên trách, bảo vệ dân phố và dân phòng đã hoàn thành tốt vai trò nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở. Sau khi Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự được ban hành và có hiệu lực từ 01/7/2024, đại đa số lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng đều tâm huyết và tự nguyện kiện toàn thành lực lượng mới là lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, để tiếp tục gắn bó và cống hiến công sức cho sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự tại địa phương. Trong số họ có nhiều đồng chí đã nhiều năm công tác, gắn bó trong lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng.

Tại Nghị quyết số 02 của HĐND tỉnh Bình Phước có quy định cụ thể về chế độ hỗ trợ thôi việc đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở,

trong khi Nghị quyết số 03 của Đồng Nai (cũ) không quy định chính sách này. Điều này, dẫn đến thực tế có sự so sánh, so bì về chính sách của lực lượng ở 02 địa bàn Đồng Nai (cũ) và Bình Phước. Mặt khác, qua khảo sát thực tế việc triển khai Nghị quyết số 03 của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ) cũng như tiếp xúc cử tri ở địa bàn cơ sở, đã có rất nhiều ý kiến đề xuất, kiến nghị cần đưa nội dung này vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, nhằm đáp ứng nguyện vọng của đông đảo lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở. Căn cứ vào điều kiện ngân sách và tình hình thực tế của tỉnh, việc đề xuất chính sách hỗ trợ thôi việc trong Nghị quyết hoàn toàn có cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn vững chắc. Đây là giải pháp cần thiết và phù hợp trong bối cảnh hiện nay, nhằm ghi nhận, tri ân đối với những đóng góp, cống hiến của lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng; đồng thời đảm bảo chính sách an sinh xã hội, ổn định tư tưởng, tránh phát sinh khiếu nại, bức xúc.

Điều 8. Trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Danh mục, tiêu chuẩn trang bị lần đầu

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01
3	Mũ bảo hiểm	Cái	01
4	Quần áo xuân hè gắn phù hiệu	Bộ	02
5	Áo xuân hè dài tay gắn phù hiệu	Cái	02
6	Dây lưng	Cái	01
7	Giày da	Đôi	01
8	Dép nhựa	Đôi	01
9	Bít tất	Đôi	02
10	Quần áo mưa	Bộ	01
11	Biển hiệu	Cái	01
12	Giấy chứng nhận	Cái	01

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
13	Chăn	Cái	01
14	Mùng	Cái	01
15	Gối	Cái	01
16	Chiếu trải	Cái	01

2. Danh mục, tiêu chuẩn, niên hạn trang bị những năm tiếp theo

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn (năm)
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01	03
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01	03
3	Mũ bảo hiểm	Cái	01	05
4	Quần áo xuân hè gắn phù hiệu	Bộ	01	01
5	Áo xuân hè dài tay gắn phù hiệu	Cái	01	02
6	Dây lưng	Cái	01	03
7	Giày da	Đôi	01	02
8	Dép nhựa	Đôi	01	01
9	Bít tất	Đôi	02	01
10	Quần áo mưa	Bộ	01	03
11	Biển hiệu	Cái	01	05
12	Giấy chứng nhận	Cái	01	05
13	Chăn	Cái	01	05
14	Mùng	Cái	01	05

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn (năm)
15	Gối	Cái	01	05
16	Chiếu trải	Cái	01	02

*** Cơ sở đề xuất:** Chế độ trang cấp nêu trên được kế thừa từ Nghị quyết số 03 của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ), nhằm đảm bảo quyền lợi và trang bị đầy đủ theo định mức quy định tại Điều 3 và điểm đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Việc áp dụng định mức trang cấp từ 02 Nghị quyết cũ không làm tăng ngân sách sau khi ban hành Nghị quyết mới.

Điều 9. Nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên hằng năm 1.000.000 đồng/tổ/năm từ ngân sách địa phương.

2. Kinh phí này được sử dụng cho các nội dung như mua sắm văn phòng phẩm, hỗ trợ tổ chức sinh hoạt, hội họp, tuyên truyền, sơ kết, tổng kết hoạt động của Tổ và các khoản chi cần thiết khác phục vụ trực tiếp công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở.

3. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

*** Cơ sở đề xuất:** Căn cứ theo quy định của Luật Lực lượng và kế thừa từ Nghị quyết số 02 của HĐND tỉnh Bình Phước.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết này được bảo đảm từ ngân sách địa phương, bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã, theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Khuyến khích huy động các nguồn tài trợ, đóng góp hợp pháp khác để hỗ trợ hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo dung quy định của pháp luật.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này được quy định như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; định kỳ tổ chức đánh giá, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm phối hợp, giám sát, vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện Nghị quyết; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực:

a) Bãi bỏ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và mức hỗ trợ, bồi dưỡng cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Bãi bỏ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; trang phục, phương tiện, thiết bị đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Việc bãi bỏ các nghị quyết nêu trên được thực hiện theo quy định của Nghị quyết của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính giữa tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai.

3. Nghị quyết này thay thế toàn bộ các quy định trước đây trái với nội dung của Nghị quyết này.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện: do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Cụ thể:

(1) Dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ trong 01 năm đối với lực lượng gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (sau khi sáp nhập 02 tỉnh): **431,870,670,400đ**. So sánh giữa Nghị quyết mới với tổng của 02 Nghị quyết cũ giảm **16,125,459,200đ – Phụ lục 3**.

(2) Riêng đối với kinh phí trang bị trang phục: Hầu hết thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đã được trang bị lần đầu, mức hỗ trợ này không biến động nhiều so với 02 Nghị quyết cũ.

2. Tổ chức thực hiện

Để tổ chức thực hiện Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Công an tỉnh triển khai Nghị quyết đến cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Thời gian trình thông qua

Dự thảo Nghị quyết trình thông qua tại kỳ họp chuyên đề cuối năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên, mức hỗ trợ, bồi dưỡng và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các sở, ngành, địa phương có liên quan; (3) Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp; (4) Báo cáo của Công an tỉnh về tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Các phụ lục kèm theo có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Tấn Đức

PHỤ LỤC I

KINH PHÍ LỰC LƯỢNG BẢO VỆ ANTT CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN BÌNH PHƯỚC (TRƯỚC SÁP NHẬP)

TT	Các mức hỗ trợ theo NQ 02/2024/NQ-HĐND Bình Phước	Mức hỗ trợ	Số người theo định biên	Thành tiền trong 01 tháng
I	Các mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng (vùng II)	9.984.000	1.042	3.087.552.000
1	Tổ trưởng	4.160.000	195	811.200.000
2	Tổ phó	3.328.000	195	648.960.000
3	Tổ viên	2.496.000	652	1.627.392.000
II	Các mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng (vùng III)	8.736.000	1.869	4.979.520.000
1	Tổ trưởng	3.640.000	411	1.496.040.000
2	Tổ phó	2.912.000	411	1.196.832.000
3	Tổ viên	2.184.000	1.047	2.286.648.000
III	Các mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng (vùng IV)	7.800.000	917	2.250.300.000
1	Tổ trưởng	3.250.000	237	770.250.000
2	Tổ phó	2.600.000	237	616.200.000
3	Tổ viên	1.950.000	443	863.850.000
IV	Hỗ trợ đóng bảo hiểm XH và BHYT	246.000		941.688.000
1	BHXH	165.000	3.828	631.620.000
2	BHYT	81.000	3.828	310.068.000
V	Mức kinh phí chi hoạt động của Tổ bảo vệ ANTT trong 01 năm	1.000.000	843	843.000.000
VI	Mức hỗ trợ tuần tra đêm (tính bình quân 15 ngày/người/tháng)	1.500.000	3.828	5.742.000.000
VII	Mức hỗ trợ tiền làm việc độc hại, nguy hiểm (tính bình quân 04/người/tháng)	600.000	3.828	2.296.800.000
Tổng mức hỗ trợ trong 01 tháng				19.297.860.000
Tổng mức hỗ trợ trong 01 năm				232.417.320.000

PHỤ LỤC II

TỔNG MỨC KINH PHÍ PHỤ CẤP, CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG TRONG 01 NĂM
(theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai trước sáp nhập)

STT	Nội dung hỗ trợ	Tổng hỗ trợ
1	Kinh phí hỗ trợ hàng tháng đối với người tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở	112.147.200.000
2	Kinh phí hỗ trợ BHXH, BHYT đối với người tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở	5.127.033.600
3	Hỗ trợ tuần tra đêm, tiền ăn và tiền thâm niên	78.526.080.000
4	Hỗ trợ khi thực hiện nhiệm vụ trong các ngày thứ Bảy, chủ Nhật, lễ, tết	15.576.000.000
5	Hỗ trợ trình độ (thống kê hiện tại có 97 đại học, 79 cao đẳng, 128 trung cấp)	4.202.496.000
	Tổng cộng	215.578.809.600

PHỤ LỤC III

TỔNG MỨC KINH PHÍ PHỤ CẤP, CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG TRONG MỘT NĂM

STT	Nội dung hỗ trợ	Tổng hỗ trợ
1	Hỗ trợ hàng tháng	215.643.600.000
2	Hỗ trợ kinh phí BHXH tự nguyện	18.464.040.000
3	Hỗ trợ BHYT	9.258.397.200
4	Hỗ trợ tuần tra đêm	197.829.000.000
5	Hỗ trợ thâm niên	512.890.000
6	Hỗ trợ trình độ	567.600.000
	Tổng cộng	442.275.527.200
	Tổng kinh phí của 02 Nghị quyết trước sáp nhập	447.996.129.600
	So sánh giữa Nghị quyết mới với tổng của 02 Nghị quyết cũ giảm	(5.720.602.400)

